

Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới: cơ hội và thách thức đối với Việt Nam

Lê Thị Thúy¹

¹Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
Email: kemmutbebung@yahoo.com

Nhận ngày 2 tháng 12 năm 2016. Chấp nhận đăng ngày 8 tháng 2 năm 2017.

Tóm tắt: Sau 10 năm gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), hiện nay Việt Nam đang tham gia một loạt hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới. Những FTA này đang đặt Việt Nam trước một sân chơi kinh tế mới với những thay đổi mang tính chiến lược nhằm nâng cao khả năng hợp tác kinh tế, tháo dỡ những rào cản thuế quan trước đây từng cản trở quá trình giao thương giữa các quốc gia với nhau.

Từ khóa: Hiệp định thương mại tự do, cơ hội, thách thức, doanh nghiệp, Việt Nam.

Abstract: Ten years after joining the World Trade Organisation (WTO), Vietnam is now a signatory to many new-generation free trade agreements (FTAs). The FTAs have taken the country to a new economic playground with strategic changes aimed at enhancing the economic cooperation capacities, removing tariff barriers that have earlier hindered trade among nations.

Keywords: Free trade agreements, opportunities, challenges, enterprises, Vietnam.

1. Giới thiệu

Theo thống kê của Trung tâm WTO thuộc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), hiện nay Việt Nam đang tham gia 16 FTA song phương và đa phương, trong đó có một số FTA thế hệ mới, như: Hiệp định Đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP), FTA Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA), FTA Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA), FTA Việt Nam - Liên minh kinh tế Á - Âu (VN-

EAEU FTA), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP)...

Các FTA thế hệ mới trên đây có những đặc điểm chung như sau: (i) mức độ tự do hóa sâu. Với tiêu chí FTA tiêu chuẩn cao, dù chưa kết thúc đàm phán, có thể chắc chắn rằng mức độ mở cửa của Việt Nam cũng như các đối tác trong các FTA này là rất sâu, xóa bỏ phần lớn các dòng thuế; (ii) phạm vi cam kết rộng. Trong khi các FTA trước đây chủ yếu tập trung vào lĩnh vực thương mại hàng hóa, các FTA thế hệ mới

bao gồm những cam kết về nhiều lĩnh vực mới mà Việt Nam chưa từng cam kết/mở cửa trước đây, ví dụ: doanh nghiệp nhà nước, mua sắm của chính phủ, lao động - công đoàn, môi trường...; (iii) có nhiều cam kết về thể chế. Khác với các FTA trước đây chủ yếu ảnh hưởng tới chính sách thuế quan tại biên giới, các FTA thế hệ mới có nhiều các cam kết ảnh hưởng trực tiếp và lớn đến thể chế, chính sách pháp luật nội địa (những vấn đề sau đường biên giới); (iv) đối tác FTA đặc biệt lớn. Trong các FTA thế hệ mới có những đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam như Mỹ, Liên minh Châu Âu (EU) và Nhật Bản.

Các FTA thế hệ mới với những cam kết sâu rộng, toàn diện hơn so với các FTA truyền thống sẽ tác động đáng kể đến thị trường của các doanh nghiệp, môi trường kinh doanh và hệ thống chính sách, pháp luật liên quan của Việt Nam, sẽ là đòn bẩy giúp Việt Nam hội nhập sâu rộng kinh tế quốc tế. Bài viết này phân tích những cơ hội và thách thức của Việt Nam khi tham gia các FTA thế hệ mới.

2. Cơ hội khi tham gia FTA thế hệ mới

2.1. Mở rộng thị trường, tăng kim ngạch xuất khẩu

Tham gia FTA thế hệ mới, Việt Nam có cơ hội lớn trong việc mở rộng thị trường thông qua các biện pháp cắt giảm thuế quan và dỡ bỏ rào cản thương mại. Việt Nam có thể tham gia sâu hơn vào chuỗi sản xuất và cung ứng khu vực và toàn cầu. Bà Victoria Kwakwa, Phó Chủ tịch Khu vực Đông Á và Thái Bình Dương của Ngân hàng thế giới, đánh giá rằng: việc Việt Nam tham gia tích

cực vào các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như TPP và EVFTA không chỉ giúp hàng hóa Việt Nam tiếp cận với các thị trường rộng lớn, mà quan trọng hơn là thúc đẩy cải cách trong nước. Các hiệp định thương mại thế hệ mới sẽ thiết lập các luật chơi quốc tế và các luật chơi đó sẽ tác động mạnh hơn lên các chính sách và thể chế trong nước so với bất kỳ hiệp định thương mại tự do nào đã ký trước đây. Các FTA được ký kết sẽ tạo ra nhiều cơ hội mới cho các ngành công nghiệp và thương mại của Việt Nam, trong đó có công nghiệp hỗ trợ (CNHT). Nhờ cơ hội đó, doanh nghiệp trong nước tham gia sâu hơn vào chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu, các sản phẩm công nghiệp của Việt Nam trở nên đa dạng hơn cả về chủng loại và chất lượng [8]. Các FTA sẽ là cú hích mạnh để nâng cao kim ngạch xuất khẩu sản phẩm CNHT của Việt Nam, là cơ hội để nhập khẩu nguyên phụ liệu đầu vào rẻ hơn từ những quốc gia có chất lượng cao hơn. Đây là một lợi thế “độc nhất, vô nhị” cho Việt Nam vì ngành công nghiệp chế tạo thâm dụng lao động và các ngành khác hiện đang phải chịu thuế suất cao sẽ được hưởng lợi.

Trong năm 2016, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt khoảng 349,2 tỉ USD, tăng 6,6% so với năm 2015. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 175,94 tỉ USD, tăng 8,6% và kim ngạch nhập khẩu đạt 173,26 tỉ USD, tăng 4,6%. Theo Ủy ban Tư vấn về Chính sách Thương mại quốc tế, Trung tâm WTO, lợi ích ở thị trường các nước đối tác TPP mà Việt Nam có thể tận dụng thể hiện ở 2 hình thức chủ yếu: lợi ích thuế quan (đối với thương mại hàng hóa) và lợi ích tiếp cận thị trường (đối với thương mại dịch vụ và đầu tư). Về lý thuyết, với TPP Việt Nam sẽ được tiếp cận

thị trường dịch vụ của các nước đối tác thuận lợi hơn, với ít rào cản và điều kiện hơn. Ngoài ra, với TPP, Việt Nam cũng có các lợi ích tại thị trường nội địa (như các lợi ích do việc giảm thuế hàng nhập khẩu từ các nước TPP; những khoản đầu tư, dịch vụ đến từ các nước đối tác TPP; những thay đổi thể chế hay cải cách để đáp ứng đòi hỏi chung của TPP; việc mở cửa thị trường mua sắm công; từ việc thực thi các tiêu chuẩn về lao động, môi trường...).

Theo đánh giá của các chuyên gia kinh tế, Việt Nam sẽ được lợi nhiều nhất trong số các nước TPP. Sau khi gia nhập hiệp định này, GDP của Việt Nam sẽ tăng 11%, tương ứng 36 tỷ USD; xuất khẩu tăng 28%, bởi các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) sẽ dịch chuyển nhà máy tới Việt Nam. Các nhà xuất khẩu của Việt Nam sẽ được tiếp cận thị trường lớn thế giới một cách dễ dàng hơn. TPP sẽ chấm dứt việc trợ cấp, phân biệt đối xử, vay vốn ưu đãi, quyền tiếp cận đặc biệt đối với mua sắm công và bảo hộ mậu dịch mà các doanh nghiệp nhà nước được hưởng lâu nay, sẽ buộc các doanh nghiệp này phải cạnh tranh về thương mại một cách bình đẳng.

Việc Nhật Bản giảm thuế sẽ đem lại lợi ích cho các nhà sản xuất hàng may mặc trong nước (lĩnh vực sản xuất này vốn đã thu hút rất nhiều nhà đầu tư chuyển dịch từ Trung Quốc sang nhờ chi phí lao động rẻ). Theo nghiên cứu của Eurasia Group, kim ngạch xuất khẩu dệt may, giày dép của Việt Nam có thể tăng 50% trong 10 năm tới. Ngành thủy sản cũng được hưởng lợi do dỡ bỏ thuế nhập khẩu với tôm, mực và cá ngừ, từ mức 6,4-7,2% hiện nay [7].

EVFTA sẽ đem lại lợi ích tối ưu cho người dân, doanh nghiệp hai bên, bởi mức cam kết cao nhất mà Việt Nam đạt được trong các FTA đã được ký kết cho tới nay.

EVFTA sẽ là một cú hích quan trọng để thúc đẩy quan hệ thương mại Việt Nam - EU, sẽ giúp mở rộng hơn nữa thị trường cho hàng xuất khẩu, đặc biệt là những sản phẩm mà hai bên có thế mạnh (như: dệt may, giày dép, nông thủy sản, đồ gỗ của Việt Nam và máy móc, thiết bị, ô tô, xe máy, đồ uống có cồn, một số loại nông sản của EU). Khi hiệp định được thực hiện, tất cả các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của hai bên sẽ được hưởng ưu đãi hơn khi tiếp cận thị trường của nhau. Tổng kim ngạch thương mại giữa Việt Nam và EU sẽ tăng khoảng 50% trong các năm đầu hiệp định có hiệu lực. Bên cạnh đó, cam kết liên quan đến đầu tư, tự do hóa thương mại dịch vụ, mua sắm của chính phủ, bảo hộ sở hữu trí tuệ... cũng sẽ mở ra cơ hội cho cả hai bên tiếp cận thị trường của nhau, đảm bảo lợi ích tổng thể, cân bằng. EU là đối tác thương mại lớn thứ hai và là một trong hai thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch hai chiều năm 2014 lên tới 36,8 tỷ USD (năm 2013 con số này là 24,3 tỷ USD), trong đó xuất khẩu sang EU đạt 28 tỷ USD, nhập khẩu gần 9 tỷ USD. Trong 6 tháng đầu năm 2015, tổng kim ngạch thương mại hai chiều đạt 19,4 tỷ USD, tăng hơn 11% so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó, xuất khẩu của Việt Nam đạt gần 15 tỷ USD (với các mặt hàng chủ lực là giày dép, dệt may, cà phê, đồ gỗ, hải sản...). EVFTA sẽ mở ra cơ hội lớn các doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận thị trường 28 nước EU với khoảng 500 triệu dân.

2.2. Tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài

Các FTA đã tác động đến xu hướng kinh tế của các nước tham gia FTA, trong đó quan trọng nhất là sự chuyển dịch luồng vốn FDI

giữa các nước thành viên, cũng như giữa phần còn lại của thế giới với các nước trong FTA. Các FTA thế hệ mới (như VKFTA, VN-EAEU FTA, EVFTA và TPP) đều đưa ra các cam kết đối xử công bằng giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài trong việc thành lập, mua lại, mở rộng, điều hành, triển khai, vận hành, kinh doanh hoặc các hình thức chuyển nhượng dự án đầu tư khác trong lãnh thổ nước mình. Điều này cho phép nhà đầu tư FDI có thể tiếp cận thị trường Việt Nam nhanh hơn. Chẳng hạn, khi EVFTA và TPP có hiệu lực, các nhà đầu tư Nhật Bản, Mỹ, Đức... có thể xuất hiện ở thị trường bán lẻ, hay thị trường bất động sản Việt Nam ngay lập tức nếu họ nhận chuyển nhượng các dự án của nhà đầu tư trong nước đang vận hành. Do các yêu cầu nghiêm ngặt về quy tắc xuất xứ, nên các nhà đầu tư FDI sẽ chi mạnh tay hơn cho khâu “thượng nguồn” (sản xuất nguyên liệu đầu vào). Ví dụ, để hàng dệt may hưởng thuế suất 0% vào EU theo EVFTA, phải đầu tư sản xuất từ vải; theo TPP phải đầu tư sản xuất từ sợi. Các điều khoản phát triển bền vững trong FTA thế hệ mới sẽ hạn chế những công nghệ lạc hậu (công nghệ có khả năng tác động tiêu cực đến môi trường, công nghệ khai thác cạn kiệt tài nguyên...) và thúc đẩy phát triển các công nghệ sử dụng nguồn năng lượng tái tạo, sử dụng nguyên liệu thân thiện với môi trường.

Các xu hướng trên sẽ đem lại cho nền kinh tế và doanh nghiệp Việt Nam những lợi ích khả quan. Trước kia, mối liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước còn yếu, không hỗ trợ nhiều cho khu vực doanh nghiệp trong nước phát triển. Kết quả khảo sát của Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên Hợp Quốc (UNIDO) năm 2015 cho thấy, tỷ lệ sản

phẩm đầu vào được mua từ các nhà chế biến chế tạo trong nước ở tất cả loại hình doanh nghiệp FDI là tương đối thấp, khoảng 26,6%. Khảo sát của VCCI cũng cho thấy, các doanh nghiệp FDI đang hoạt động trên lãnh thổ nước ta chủ yếu sử dụng hàng hóa và dịch vụ trung gian của doanh nghiệp nước ngoài (38% từ các chi nhánh của doanh nghiệp ở nước ngoài, 18% từ doanh nghiệp khác ở nước ngoài, 34% từ các doanh nghiệp tư nhân trong nước).

Các FTA thế hệ mới sẽ thúc đẩy các nhà đầu tư FDI đầu tư chiều sâu vào thị trường Việt Nam (không đơn thuần gia công mà còn chú trọng vào công nghiệp phụ trợ); đồng thời sẽ giúp mở rộng cánh cửa đón các nhà sản xuất linh, phụ kiện trong nước (để được hưởng thuế suất ưu đãi của FTA). Nhờ việc mở rộng cánh cửa này, doanh nghiệp trong nước được mời tham gia đơn hàng được tư vấn về công nghệ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, được chia sẻ kinh nghiệm quản trị.

Trên thực tế năm 2016, Việt Nam thu hút vốn FDI đạt kỷ lục mới (24,4 tỷ USD, tăng 7% so với năm 2015), trong đó, FDI thực hiện đạt cao nhất từ trước đến nay (15,8 tỷ USD, tăng 9%). Điều đó cho thấy, Việt Nam tiếp tục được các nhà đầu tư nước ngoài lựa chọn và tin tưởng là điểm đến đầu tư hàng đầu. Nhiều dự án lớn được đầu tư vào Việt Nam, như dự án của LG Display ở Hải Phòng (vốn đăng ký 1,5 tỷ USD), dự án Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển của Samsung (vốn đăng ký 300 triệu USD), dự án Điện gió Trà Vinh giai đoạn II (vốn đăng ký 247,6 triệu USD), dự án Midtown ở Tp. Hồ Chí Minh (vốn đăng ký 225,6 triệu USD). Các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 17 lĩnh vực. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo đứng đầu

với 737 dự án đầu tư đăng ký mới và 346 lượt dự án tăng vốn, với tổng vốn đăng ký mới và tăng thêm là 11,36 tỷ USD, chiếm 66,3% tổng vốn đầu tư đăng ký; sản xuất, phân phối điện đứng thứ hai với 5 dự án đăng ký mới và 3 dự án tăng vốn, đưa tổng vốn đăng ký mới và tăng thêm là 2,6 tỷ USD, chiếm 15,3% tổng vốn đầu tư; kinh doanh bất động sản đứng thứ ba với tổng vốn đăng ký mới và tăng thêm là 1,81 tỷ USD, chiếm 10,5% tổng vốn đầu tư.

EVFTA sẽ thúc đẩy luồng vốn đầu tư chất lượng cao của EU và các đối tác khác vào Việt Nam. Các doanh nghiệp, nhà đầu tư EU cũng được hưởng ưu đãi hơn khi đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam, đặc biệt trong các lĩnh vực mà các doanh nghiệp EU có thế mạnh như dịch vụ tài chính, phân phối, vận tải. Hiện nay, 23/28 nước EU đầu tư vào Việt Nam (với hơn 2.100 dự án còn hiệu lực, tổng vốn đầu tư trên 38,4 tỷ USD). Các nhà đầu tư EU đã có mặt tại hầu hết các ngành kinh tế quan trọng, tập trung nhiều nhất vào công nghiệp, xây dựng và một số ngành dịch vụ. Tính đến tháng 4/2016, các doanh nghiệp EU đã đầu tư vào Việt Nam 1.809 dự án với tổng vốn đăng ký 23,16 tỷ USD (chiếm 8,7% số dự án và 8% tổng vốn đầu tư tại Việt Nam). Những lĩnh vực được các nhà đầu tư EU quan tâm nhất là công nghiệp chế biến chế tạo; sản xuất phân phối điện; kinh doanh bất động sản; xây dựng và một số ngành dịch vụ khác. Các quốc gia đầu tư nhiều nhất gồm: Hà Lan, Anh, Pháp, Luxemburg và Đức (chiếm 84,3% tổng vốn đầu tư của EU vào Việt Nam).

EVFTA là tiền đề rất tốt để thu hút đầu tư từ Châu Âu. Nhiều doanh nghiệp, tập đoàn lớn đã nghiên cứu các nội dung của EVFTA và đang dự định chuyển hướng đầu

tư sang Việt Nam trong thời gian tới nhằm tận dụng những cơ hội Hiệp định mang lại. 39% doanh nghiệp EU tại Việt Nam có dự định tăng vốn đầu tư. Làn sóng đầu tư mới từ các doanh nghiệp EU sẽ mang theo công nghệ tiên tiến tới Việt Nam. Ngay cả những doanh nghiệp đã đầu tư tại Việt Nam, như Tập đoàn công nghệ Bosch, cũng có kế hoạch mở rộng đầu tư, kinh doanh. Các doanh nghiệp Châu Âu đều đánh giá cao môi trường chính trị ổn định của Việt Nam cũng như các yếu tố khác như: dân số trẻ, nguồn nhân lực dồi dào, người dân chịu học hỏi, có khả năng tiếp thu nhanh những công nghệ kỹ thuật cao. Với quy mô và tiềm năng về vốn, công nghệ của EU, Việt Nam đang đứng trước cơ hội trở thành địa bàn trung chuyển, cửa ngõ kết nối cho hoạt động thương mại và đầu tư của EU trong khu vực.

Tính đến tháng 8/2015, các nhà đầu tư Mỹ đã đầu tư vào Việt Nam gần 700 dự án với tổng vốn khoảng 11,1 tỷ USD, xếp thứ 7 trong các quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam. Nhiều dự án quan trọng của doanh nghiệp Mỹ đã được triển khai hiệu quả, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Các nhà đầu tư Mỹ đã có mặt tại 42/62 tỉnh, thành phố Việt Nam, chủ yếu tại Tp. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Bà Rịa - Vũng Tàu. Nhiều dự án có quy mô lớn như: dự án Hồ Tràm tại Bà Rịa - Vũng Tàu (vốn đăng ký đạt 4,2 tỷ USD); dự án xây dựng nhà máy sản xuất chipset của Công ty Intel tại Tp. Hồ Chí Minh (vốn đăng ký 1 tỷ USD)... Các doanh nghiệp Mỹ (nhất là các doanh nghiệp lớn) đều có chiến lược lâu dài tại Việt Nam và coi đây là thị trường lớn đầy tiềm năng. Sự thành công của các doanh nghiệp Mỹ tại Việt Nam cũng là thông điệp

cho các tập đoàn đa quốc gia, các công ty công nghệ hàng đầu thế giới thực sự quan tâm đầu tư vào Việt Nam. Bên cạnh đầu tư trực tiếp, trên thị trường vốn, nhiều tập đoàn tài chính lớn của Mỹ cũng đã có mặt tại Việt Nam. Hiện đã có 995 nhà đầu tư Mỹ tại Việt Nam (trong đó 565 nhà đầu tư tổ chức, 430 nhà đầu tư cá nhân), số nhà đầu tư Mỹ chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong các nhà đầu tư nước ngoài được cấp mã số giao dịch.

2.3. Tạo động lực cải cách thể chế

Từ góc độ môi trường chính sách, pháp luật về kinh doanh, các FTA thế hệ mới có thể sẽ là động lực cho một làn sóng cải cách về thể chế và hành chính mới, hiệu quả và có định hướng cho Việt Nam. Việc thực hiện các cam kết cải cách trong lĩnh vực doanh nghiệp nhà nước, mua sắm của chính phủ, lao động - công đoàn, môi trường... sẽ có những tác động lớn đến cải cách thể chế trong nước. Môi trường kinh doanh sau TPP, vì vậy, có thể là bàn đạp rất tốt để các doanh nghiệp giải phóng sức sáng tạo trong kinh doanh và giúp Việt Nam sớm hình thành một đội ngũ doanh nhân mới. Các FTA đòi hỏi các thành viên phải thực hiện rà soát toàn bộ hệ thống pháp luật của nước mình, trước hết là các lĩnh vực thương mại, đầu tư, quyền sở hữu trí tuệ (IPR), cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước, lao động, đấu thầu, thương mại điện tử, môi trường, giải quyết tranh chấp...

Việc hoàn thiện hệ thống pháp luật giúp các thành viên cải thiện môi trường pháp lý và kinh doanh. Sự cải thiện này thể hiện ở các nội dung sau: (i) bảo vệ nhà đầu tư trong nước và nước ngoài khỏi sự can thiệp trái pháp luật; (ii) tạo “sân chơi” công bằng

cho doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân; (iii) thuận lợi hóa các thủ tục hải quan; (iv) đơn giản hóa thủ tục hành chính trong kinh doanh; (v) thuận lợi hóa việc công nhận các tiêu chuẩn sản phẩm; (vi) mở cửa thị trường mua sắm công cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư từ các thành viên của FTA; (vii) minh bạch hóa hoạt động các cơ quan nhà nước; (viii) bảo hộ IPR của cá nhân, doanh nghiệp Việt Nam và nước ngoài.

Các FTA đòi hỏi các thành viên phải thực hiện rà soát toàn bộ hệ thống chính sách kinh tế - xã hội, văn hóa của nước mình để thực hiện minh bạch chính sách; cải cách hành chính; cải cách tư pháp; xử lý mối quan hệ giữa thương mại quốc tế với những vấn đề vốn được coi là “phi thương mại”, “các giá trị xã hội” (như: thương mại và quyền con người, bảo vệ người lao động trong thương mại quốc tế, thương mại và môi trường, thương mại và văn hóa, thương mại và an ninh, bảo đảm an toàn thực phẩm, thương mại, phát triển bền vững và quản trị tốt).

Việc rà soát toàn bộ hệ thống chính sách kinh tế - xã hội, văn hóa của nước mình, nhất là đối với các nước đang phát triển như Việt Nam, sẽ giúp hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường. Với tiêu chuẩn rất cao về quản trị minh bạch và hành xử vô tư, các FTA thế hệ mới sẽ giúp Việt Nam kiện toàn, cải thiện hơn nữa bộ máy nhà nước theo hướng đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường trách nhiệm, kỉ luật, kỉ cương của công chức nhà nước, từ đó hỗ trợ cho tiến trình đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế của Việt Nam. Đặc biệt, việc hoàn thiện và tăng cường công tác bảo hộ IPR sẽ mở ra cơ hội thu hút đầu tư vào những lĩnh vực có hàm lượng tri thức cao.

3. Thách thức khi tham gia FTA thế hệ mới

3.1. Chưa có chiến lược FTA

Mặc dù đã chủ động tham gia các FTA nhưng Việt Nam đôi khi còn bị lôi cuốn theo tình thế, thiếu nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn, chưa có chiến lược rõ ràng, đặc biệt chưa có sự chuẩn bị tốt. Có thể nói hiện nay, Việt Nam chưa chuẩn bị tốt các điều kiện cơ bản trong nước khi tham gia các FTA và chưa tận dụng tốt các ưu đãi trong các FTA đã ký kết để cải thiện cán cân thương mại, cán cân thanh toán vãng lai và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, phát triển bền vững.

3.2. Năng lực cạnh tranh thấp kém

Thứ nhất, ở cấp độ quốc gia, thể chế, hệ thống pháp luật, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng mềm như tri thức, nguồn nhân lực chưa đáp ứng các yêu cầu cao của hội nhập quốc tế.

Thứ hai, ở cấp độ doanh nghiệp, các doanh nghiệp chưa nâng cao năng lực cạnh tranh của mình, nếu không tích cực điều chỉnh và thích nghi kịp thời sẽ dễ bị đào thải khỏi thị trường Việt Nam. Mặc dù được tạo điều kiện, các doanh nghiệp nhà nước vẫn chưa phát huy được vai trò dẫn dắt, chủ đạo trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới và phát triển công nghệ. Khu vực tư nhân đã phát triển nhưng quy mô còn nhỏ và hạn chế về năng lực tài chính, công nghệ; các ngành sản xuất trong nước phải đối mặt với sức cạnh tranh về giá cả, chất lượng của hàng nhập khẩu. Đặc biệt, trong nông nghiệp, Việt Nam còn thiếu gắn kết giữa các ngành, địa phương. Quá trình

triển khai chưa có sự chuẩn bị đúng mức về nội lực cho cả doanh nghiệp và nông dân. Do vậy, nhiều doanh nghiệp sản xuất hàng nông sản đã gặp phải tình trạng giảm sút lợi nhuận, nợ tăng cao, dẫn đến phá sản hoặc chuyển hướng sang nhập khẩu. Ngành công nghiệp phụ trợ của Việt Nam chưa phát triển, phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu. Bên cạnh đó, cơ cấu hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường đã ký FTA chưa có chuyên biến mạnh, vẫn tập trung chủ yếu vào các mặt hàng nông sản, các mặt hàng công nghiệp sử dụng nhiều lao động và các mặt hàng nguyên nhiên vật liệu... Đặc biệt, một số mặt hàng (như cao su, dừa, rau quả, than đá...) đã tập trung quá lớn vào thị trường Trung Quốc (chiếm trên 70% tổng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng này) mà không đa dạng hóa thị trường. Điều đó đã dẫn đến việc phụ thuộc lớn vào một thị trường và khi đối tác giảm nhập khẩu thì Việt Nam phải gánh chịu những hậu quả không nhỏ, do vậy, dẫn đến giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam không cao.

Một số ngành sau có thể chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực trong thời gian tới:

- Ngành công nghiệp ô tô.

Các doanh nghiệp ngành này chịu sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp nước ngoài khi Việt Nam mở cửa thị trường. Hơn nữa, công nghiệp phụ trợ đối với ngành công nghiệp ô tô hiện nay ở Việt Nam không đáp ứng được yêu cầu, quy mô thị trường nhỏ là những điểm bất lợi trong thu hút đầu tư vào ngành này. Thời gian tới, khi thuế suất nhập khẩu ô tô ngày càng giảm, ngành ô tô trong nước sẽ còn khó khăn hơn nữa nếu không tạo được sự khác biệt. Các doanh nghiệp ngành này chịu sự cạnh tranh gay gắt từ

các doanh nghiệp nước ngoài khi Việt Nam mở cửa thị trường.

- Các sản phẩm nông nghiệp, chăn nuôi, thủy hải sản.

Giảm thuế quan có thể khiến luồng hàng nhập khẩu từ các nước vào Việt Nam gia tăng, với giá cả cạnh tranh hơn, hệ quả tất yếu là thị phần hàng hóa liên quan tại Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng và cạnh tranh sẽ gay gắt hơn. Hiện tại, thức ăn chăn nuôi, giống, thuốc thú y và sản phẩm dầu ra chủ yếu bị khống chế bởi các doanh nghiệp nước ngoài. Ngành nông nghiệp với các mặt hàng thịt gà, lợn, bò... là ngành lợi thế của Mỹ, hoặc mặt hàng đường là thế mạnh của Australia. Giảm thuế quan có thể khiến luồng hàng nhập khẩu vào Việt Nam gia tăng, với giá cả cạnh tranh hơn. Hệ quả tất yếu là thị phần hàng hóa liên quan tại Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng và cạnh tranh sẽ gay gắt hơn.

- Ngành dịch vụ tài chính, ngân hàng.

Các đối tác Việt Nam sắp ký FTA đều là những nước có thị trường tài chính, ngân hàng rất phát triển, hoặc đã mở cửa đáng kể cho sự tham gia của các nhà đầu tư nước ngoài, hoặc là lợi ích sẽ không bị tác động đáng kể bởi việc mở cửa thị trường dịch vụ tài chính, ngân hàng. Tại khu vực ASEAN, các nước có hệ thống tài chính, ngân hàng phát triển như ASEAN-6 đều mạnh hơn Việt Nam về mọi mặt. Hơn nữa, thời gian qua, các ngân hàng của Singapore và Malaysia đang đầu tư rất lớn để có thể đi trước các đối thủ cạnh tranh khác và chuẩn bị tốt hơn cho Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), sẽ là thách thức rất lớn đối với các ngân hàng của Việt Nam thời gian tới.

- Ngành dược phẩm.

Việc nâng cao mức độ bảo hộ sáng chế, dữ liệu thử nghiệm cho dược phẩm và nông

hóa phẩm sẽ là cản trở lớn đối với các doanh nghiệp dược phẩm của Việt Nam (vì các doanh nghiệp Việt Nam cạnh tranh với các hãng dược phẩm nước ngoài trong quá trình mở rộng thị trường).

- Ngành logistics.

Chất lượng của các dịch vụ vận tải (như: môi giới hải quan, giao nhận vận chuyển, và giao hàng nhanh, hạ tầng giao thông...) của Việt Nam ở vị trí thấp trong khu vực. Với bề dày kinh nghiệm, công nghệ hiện đại, nhiều công ty logistics hàng đầu trên thế giới đã hiện diện tại Việt Nam và ngày càng nâng cao sức ảnh hưởng bằng cách thành lập công ty 100% vốn nước ngoài hoặc liên doanh với các doanh nghiệp nội với tỷ lệ khống chế. Các yếu tố hải quan, cơ sở hạ tầng, quản lý nhà nước trong lĩnh vực này còn nhiều hạn chế, chưa tạo được môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp và ngành nghề này phát triển, đó sẽ là bất lợi của Việt Nam.

Thứ ba, ở cấp độ sản phẩm, khả năng cạnh tranh của Việt Nam còn thấp, giá cả, chất lượng, kiểu cách, mẫu mã còn yếu. Ngoài ra, Việt Nam còn phải đối mặt với nhiều thách thức khác về hệ thống pháp lý, chế tài, thực thi pháp luật, nền tảng ngân hàng, mở cửa thị trường mua sắm công, đảm bảo an sinh xã hội.

3.3. Năng lực quản lý

Các cơ quan quản lý nhà nước cần phải hoàn thiện và bổ sung cơ chế, chính sách về phát triển các ngành công nghiệp nội địa trong khi năng lực cạnh tranh vẫn yếu kém. Thực tế, hệ thống pháp luật và năng lực quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực trực tiếp liên quan đến hội nhập quốc tế nói chung và tham gia FTA nói riêng còn nhiều

bất cập. Kết cấu hạ tầng còn yếu kém, nhất là hạ tầng phát triển kinh tế và xuất nhập khẩu. Chất lượng nguồn nhân lực (nhất là đội ngũ chuyên gia) còn nhiều hạn chế, cả ở trong khâu đàm phán ký kết FTA và thực hiện các cam kết. Ngoài ra, còn nhiều thách thức khác: việc giảm thuế nhập khẩu dẫn đến giảm thu ngân sách; thâm hụt ngân sách ngày càng gia tăng (đặc biệt với các đối tác như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và ASEAN); sự phối hợp giữa các bộ, ngành, giữa trung ương với địa phương chưa thực sự hiệu quả, từ đó dẫn đến lúng túng khi đưa ra chính sách và xử lý các vấn đề.

3.4. Nhiều rào cản phi thuế quan

Các doanh nghiệp Việt Nam sẽ đối mặt với nhiều rào cản kỹ thuật và yêu cầu xuất xứ nghiêm ngặt. Theo điều khoản về xuất xứ hàng hóa được đề xuất ở TPP, các sản phẩm xuất khẩu trong các nước thành viên phải có xuất xứ nội khối TPP mới được hưởng ưu đãi. Hiện nay, phần lớn các nguồn nhập khẩu sợi cho ngành dệt may Việt Nam nằm ngoài các nước TPP, trong đó: 32,6% nhập từ Đài Loan, 27% từ Trung Quốc, 14,6% từ Hàn Quốc, 10,5% từ Thái Lan, 4,1% từ các quốc gia khác. Chỉ có 5,3% nhập từ các nước TPP. WB cảnh báo, công đoạn cung ứng thượng nguồn của sản xuất trong nước kém phát triển làm cho Việt Nam lệ thuộc nhiều vào nhập khẩu nguyên liệu sản xuất và Việt Nam trước mắt sẽ không tận dụng được tối đa cơ hội do TPP mang lại. Ngành dệt may sẽ phải tái cơ cấu theo hướng liên kết ngược mới có thể tận dụng được tối đa lợi thế do TPP mang lại [4].

Đây là một bất lợi vì Việt Nam chủ yếu nhập khẩu từ các nước bên ngoài TPP như Trung Quốc, Hàn Quốc để gia công hàng

xuất khẩu. Nếu không chuyển đổi được vùng nguyên liệu, hàng xuất khẩu của Việt Nam sẽ không được hưởng ưu đãi thuế. Ngoài ra, các quy định kỹ thuật thuộc nội khối (như bao gói, nhãn mác, dư lượng hóa chất tối đa trong sản phẩm xuất khẩu) cũng là một rào cản cho hàng xuất khẩu Việt Nam. Hàng nông sản của Việt Nam vào TPP có thể bị mắc ở rào cản về các biện pháp vệ sinh dịch tễ. Những quy định này nằm trong tay các nước nhập khẩu và hoàn toàn có thể bị lạm dụng để trở thành rào cản đối với hàng hóa của Việt Nam.

Việt Nam sẽ gặp khó khăn theo hướng liên hoàn. Nếu một vài sản phẩm không đáp ứng được yêu cầu về an toàn thực phẩm thì điều đó sẽ ảnh hưởng dây chuyền tới hàng loạt sản phẩm khác. EU đưa ra các yêu cầu kỹ thuật, vệ sinh và chất lượng sản phẩm rất cao, không phải doanh nghiệp nào cũng có thể đáp ứng. Từ đó, chi phí sản xuất đối với hàng hoá Việt Nam xuất vào EU tăng lên đáng kể, tính cạnh tranh giảm. Nếu doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu vào EU không hiểu biết thì không thể tranh thủ được ưu đãi thuế quan, thậm chí còn có thể bị cấm nhập khẩu, hoặc bị áp thuế chống bán phá giá rất cao ở EU, bởi xu hướng các nước đều sử dụng triệt để các hàng rào bảo hộ.

Các FTA thế hệ mới còn quy định các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững, như quy định về lao động và môi trường. Các quy định này cũng như các quy định về hàng rào kỹ thuật, biện pháp vệ sinh dịch tễ chặt chẽ hơn được đưa vào với những mục đích cao đẹp. Tuy nhiên, việc thực thi trong ngắn hạn chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến chi phí tuân thủ của doanh nghiệp. Đáng quan ngại hơn là, các nước có xu hướng tìm cách vận dụng các vấn đề này như là những biện

pháp bảo hộ cuối cùng sau khi hàng rào thuế quan gần như được xóa bỏ hoàn toàn.

Trong chuỗi cung ứng toàn cầu, theo đánh giá của Tổ chức Xúc tiến thương mại Nhật Bản (JETRO), tỷ lệ nội địa hóa tại Việt Nam chỉ đạt 33%, thấp hơn nhiều so với mức 43% tại Indonesia và 55% tại Thái Lan. Khả năng tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu của các doanh nghiệp Việt Nam rất hạn chế. Chỉ có 21% doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu (so với 30% của Thái Lan, 46% của Malaysia). Tỷ lệ xuất khẩu của doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp lớn chỉ đạt 16,8% (so với 83,3%); trong khi đó ở các nước khác trung bình là 23% (so với 77%). Chỉ có 36% doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào mạng lưới sản xuất (thấp hơn nhiều so với 60% ở Malaysia, Thái Lan). Doanh nghiệp nhỏ Việt Nam rất khó kết nối vào chuỗi giá trị toàn cầu. Theo WB, trong ngành dệt may Việt Nam, 70% số doanh nghiệp chỉ làm gia công cắt may, 90% là các doanh nghiệp hợp đồng. Điều đó có nghĩa rằng Việt Nam tham gia chuỗi giá trị toàn cầu với mức độ giá trị thấp [4].

3.5. Xu hướng bảo hộ mậu dịch tăng

Việt Nam sẽ phải đối mặt với những thách thức to lớn từ những xu hướng mới của bảo hộ mậu dịch ở mức độ tinh vi, dễ thay đổi và khó lường hơn trước rất nhiều. Đặc biệt, với lĩnh vực nông nghiệp, thực phẩm và một số sản phẩm công nghiệp nhẹ (vốn là thế mạnh của Việt Nam), hàng rào bảo hộ không những không bị dỡ bỏ mà còn được đưa vào diện “xem xét” đặc biệt hơn; đó sẽ

là thách thức lớn đối với xuất khẩu. Ở chiều ngược lại, những công cụ bảo vệ thị trường nội địa Việt Nam còn khá “sơ sài” và bị áp lực “giám sát”, “dỡ bỏ” khi thực hiện các cam kết tự do hóa thương mại trong các FTA. Trong thời gian tới, nếu không có sự đầu tư, chuẩn bị kỹ lưỡng về cả hạ tầng, công nghệ, nguồn nhân lực và các chính sách bảo vệ nội địa phù hợp quy định và tinh vi hơn, Việt Nam sẽ nhận phần thua thiệt hơn so với các đối tác khác trong các hiệp định, bởi vừa phải đối mặt với hàng rào bảo hộ của họ khi xuất khẩu, vừa phải mở cửa thị trường nội địa cho hàng nhập khẩu ồ ạt tràn vào mà không có các biện pháp phòng ngừa... Theo thống kê của WTO, từ tháng 10/2014 đến tháng 10/2015, trung bình các biện pháp hạn chế thương mại mới ngày càng đa dạng ở mức khoảng 15 biện pháp mới mỗi tháng. Mặc dù các thành viên WTO đã áp dụng 222 biện pháp thuận lợi hóa thương mại, tương đương với 19 biện pháp mỗi tháng, nhưng chỉ có 25% các biện pháp hạn chế thương mại ghi nhận kể từ tháng 10/2008 đã được loại bỏ. Do đó, tổng số các biện pháp bảo hộ thương mại còn được áp dụng tới tháng 10/2015 đã lên tới 2.557, tăng 17% so với một năm trước đó. 75% số biện pháp hạn chế thương mại được duy trì từ năm 2008 đến nay chưa có giải pháp để dỡ bỏ. Trong số 2.557 biện pháp hạn chế thương mại (trong đó có các trừng phạt thương mại) được thực hiện từ cuối năm 2008 thì đến nay mới chỉ có 642 biện pháp được dỡ bỏ. Trong khi đó, bất chấp các nỗ lực thúc đẩy tự do hóa thương mại, các nước vẫn liên tiếp áp dụng thêm các biện pháp hạn chế thương mại mới, trong đó có nhiều biện pháp có khả năng sẽ được áp dụng trong dài hạn.

4. Kết luận

Khi Việt Nam tham gia các FTA thế hệ mới, chắc chắn độ mở cửa của Việt Nam cũng như các đối tác là rất sâu (do cam kết xóa bỏ phần lớn các dòng thuế, mở cửa mạnh các ngành dịch vụ, do phạm vi cam kết rất rộng bao gồm những cam kết về nhiều lĩnh vực mới mà Việt Nam chưa từng cam kết mở cửa trước đây). Bên cạnh đó, các FTA thế hệ mới có nhiều cam kết ảnh hưởng trực tiếp và lớn đến các vấn đề sau đường biên giới (như thể chế, chính sách, pháp luật nội địa). Do đó, bên cạnh những lợi ích kỳ vọng có thể đem lại thì những thách thức gia nhập sân chơi hội nhập quốc tế mới sẽ lớn hơn rất nhiều đối với Việt Nam. Về thuận lợi và thách thức này, tại Hội thảo “Việt Nam: Nắm bắt cơ hội của các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới” (do WB phối hợp với Bộ Công thương tổ chức tại Hà Nội, ngày 16/6/2016), Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ đã chỉ ra như sau: “Các FTA thế hệ mới mở ra một con đường, thậm chí là một đại lộ rất thênh thang cho Việt Nam, nhưng vấn đề là “cỗ xe” kinh tế Việt Nam được chuẩn bị như thế nào để đi trên con đường này đảm bảo an toàn và tới đích, đó mới là quan trọng”.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Tấn Dũng (2016), “Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương, cơ hội và thách thức - hành động của chúng ta”, Báo *Nhân Dân*, ngày 16/2.
- [2] Bùi Trường Giang (2010), *Hướng tới chiến lược FTA của Việt Nam - cơ sở lý luận và thực tiễn Đông Á*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [3] Tư Giang (2016), “Bẫy gia công là khó tránh khỏi”, *Thời báo Kinh tế Sài Gòn*, số 16.
- [4] Nguyên Hải (2016), “Thách thức thực hiện các FTA”, *Thời báo Kinh tế Sài Gòn*, số 16.
- [5] Kim Ngọc (2015), “Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực: Cơ hội và thách thức cho doanh nghiệp Việt Nam”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 9.
- [6] Nguyên Vũ (2016), “Ai tận dụng tốt cơ hội từ các FTA?”, *Thời báo Kinh tế Sài Gòn*, số 16.
- [7] De Melo, J & A. Panagariya (1993), *New Dimensions in Regional Integration*, Cambridge, Cambridge University Press.
- [8] <http://enternews.vn/cac-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-the-he-moi-co-hoi-va-thach-thuc-cua-nen-kinh-te-viet-nam.html>
- [9] <http://www.satrahochiminhcity.gov.vn/chi-tiet-tin/viet-nam-tham-gia-fta-thuc-trang-co-hoi-va-thach-thuc-580>
- [10] <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Nghi-encuu-Traodoi/2016/37130/Nhung-tac-dong-cua-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-doi-voi.aspx>